**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2020*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người

Mã số: KX.01.37/16-20

Thuộc:Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”

Mã số: KX.01/16-20

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

* Làm rõ cơ sở lý luận về truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người.
* Đánh giá thực trạng tác động của truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người ở Việt Nam hiện nay.
* Phân tích các yếu tố tác động đến truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người.
* Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường vai trò của truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:PGS.TS Đặng Thị Thu Hương

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội)

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.180 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.180 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 6/2018

Kết thúc: 5/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*: đến tháng 8/2020

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Đặng Thị Thu Hương | PGS.TS | Trường ĐH KHXH&NV |
| 2 | Nguyễn Thành Lợi | PGS.TS | Hội Nhà báo Việt Nam |
| 3 | Mai Quỳnh Nam | PGS.TS | Viện Nghiên cứu con người |
| 4 | Phạm Văn Linh | PGS.TS | Ban Tuyên giáo Trung ương |
| 5 | Nguyễn Thi Thanh Huyền | PGS.TS | Trường ĐH KHXH&NV |
| 6 | Nguyễn Trọng Điệp | TS | Trung tâm nghiên cứu Quyền con người và Quyền công dân (Khoa Luật, ĐH QGHN) |
| 7 | Lâm Minh Châu | TS | Trường ĐH KHXH&NV |
| 8 | Mai Đức Lộc | TS | Hội Nhà báo Việt Nam |
| 9 | Đặng Vũ Huân | TS | Tạp chí Dân chủ và Pháp luật |
| 10 | Trần Thị Hạnh | TS | Trường ĐH KHXH&NV |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

**1. Về sản phẩm khoa học:**

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Báo cáo tổng hợp |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 2 | Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 3 | Báo cáo đề xuất, khuyến nghị |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 4 | Sách chuyên khảo |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 5 | Bài báo công bố |  | X |  |  | X |  |  | X |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người | Năm 2021 | Hội Nhà báo Việt Nam |  |
| 2 | Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người | Năm 2021 | Bộ Thông tin và truyền thông |  |
| 3 | Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người | Năm 2021 | Ban Tuyên giáo Trung ưng |  |
| 4 | Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người | Năm 2021 | Hội đồng lý luân Trung ương |  |
| 5 | Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người | Năm 2021 | Đài Tiếng nói Việt Nam |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

**2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:**

**Báo chí với phát triển con người về góc độ xã hội**

Trong lĩnh vực giáo dục:Báo chí không chỉ là kênh thông tin, truyền thông chính sách giáo dục, soi rọi đa diện các khía cạnh của đời sống giáo dục, phản ánh từng hơi thở của công cuộc đổi mới giáo dục, cổ vũ các tấm gương điển hình,… mà đặc biệt, báo chí trực tiếp quảng bá tri thức, nâng cao dân trí, đồng thời, là kênh giáo dục từ xa, trực tuyến, hỗ trợ cho việc thực hiện bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục.

**Báo chí với vấn đề môi trường**

Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề then chốt, cốt lõi trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo sức khỏe của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, xã hội, ổn định chính trị an ninh quốc gia.

**Báo chí với quyền tiếp cận thông tin**

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị, được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948. Trong tất cả các công ước quan trọng về quyền con người như Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người1, Công ước quốc tế về Các quyền dân sự, chính trị năm 19662… đều ghi nhận quyền thông tin, quyền TCTT như một cấu thành căn bản

**Báo chí với quyền tự do kinh doanh**

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của cá nhân, doanh nghiệp là yếu tố rất quan trọng đối với một nền kinh tế phát triển, đồng thời cũng là đảm bảo quyền con người. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, đã có một thời gian dài quyền tự do kinh doanh của người dân chưa được thực thi.

**Báo chí với quyền của nhóm người yếu thế**

Ở Việt Nam, vấn đề bình đẳng giới được quan tâm ngay từ những ngày đầu cách mạng, trong Chính cương sách lược vắn tắt năm 1930. Khi giành được độc lập, trong Hiến pháp đầu tiên (1946) cũng quy định rõ về nam nữ bình quyền. Từ đó đến nay, vấn đề bình đẳng giới luôn là vấn đề được quan tâm trong chiến lược phát triển quốc gia. Có thể kể đến những thành tựu hướng đến bình đẳng giới ở Việt Nam như luật Bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình, luật Phòng chống mua bán người, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020 và nhiều văn bản khác có liên quan…

**Báo chí với vấn đề án oan sai**

Trong những năm qua, án oan sai đang là vấn đề được Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ban, ngành và nhân dân trên cả nước rất quan tâm bởi đây là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, đến tình hình kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng nhân dân vào công lý, lẽ phải, cũng như vào cơ quan tiến hành tố tụng

**3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:**

***3.1. Hiệu quả kinh tế***

Báo chí thúc đẩy tăng trường kinh tế, kênh thông tin hữu hiệu, chuyển tải thông tin về chính sách của Đảng, Nhà nước đến với công chúng, đưa nghị quyết lan tỏa sâu rộng trong đời sống, đặc biệt là tư duy đổi mới kinh tế, khuyến khích đầu tư nước ngoài, ., thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân, thông tin về luật đầu tư, về các chính sách, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiểu vào Việt Nam hợp tác kinh doanh. Thông tin về chính sách đăng tải trên các PTTTĐC đã phát huy được những lợi thế khác biệt và vượt trội so với các kênh thông tin qua văn bản hành chính, công báo,… không chỉ bởi sự nhanh nhạy của thông tin, sự lan tỏa rộng khắp của kênh truyền, hình thức dễ hiểu, dễ tiếp nhận qua những thể loại báo chí đa dạng được sử dụng, mà còn bởi các khía cạnh chính sách được phân tích từ góc nhìn cuộc sống, với rất nhiều chiều cạnh tiếp cận khác nhau.

Ngày nay thông tin đã tham gia trực tiếp vào lực lượng sản xuất xã hội và được sử dụng như một nguồn lực kinh tế. Xã hội hiện đại là xã hội thông tin hoá, bất kỳ ngành nào đều không thể tách rời thông tin, thông tin đã trở thành một trong năm yếu tố quan trọng của xã hội (là: nhân lực, nguyên liệu, kỹ thuật, vốn, thông tin). Số lượng thông tin và tốc độ truyền tải thông tin biểu thị sức mạnh của một quốc gia, và phát triển xã hội thông tin là xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại. Hàng ngày, báo chí Việt Nam chuyển tải một lượng thông tin khổng lồ đến với hơn 96 triệu người dân trên khắp đất nước. Trong đó, thông tin kinh tế luôn chiếm vị trí quan trọng, mật độ cao và tỷ lệ thông tin lớn trên tất cả các loại hình báo chí, đáp ứng các mức độ nhu cầu khác nhau của công chúng về lĩnh vực này.

Báo chí đã hỗ trợ giúp du lịch Việt Nam đạt kỳ tích trong năm 2019 với 18 triệu lượt khách quốc tế, tăng 16,2% so với năm 2018, phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu đạt khoảng 720.000 tỷ đồng. Với kết quả này, Việt Nam được đánh giá là một trong 10 quốc gia có mức tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới (Báo Tin tức, 2020).

Bên cạnh đó, báo chí đồng hành với doanh nghiệp trên đường phát triển, là cầu nối thông tin, tạo nên sự hiểu biết giữa tổ chức/doanh nghiệp với công chúng của họ, góp phần khẳng định và tôn vinh các giá trị của thương hiệu doanh nghiệp, đồng thời, là công cụ xử lý khủng hoảng hữu hiệu cho doanh nghiệp khi gặp sự cố.

Những thành tích đáng kể của kinh tế nước nhà trong gần 35 năm đổi mới có sự góp phần to lớn của các doanh nghiệp, và người bạn đồng hành cùng với doanh nghiệp trong công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo là báo chí. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, điều đáng ghi nhận ở Việt Nam hơn 30 năm qua là là thu nhập của người dân tiếp tục được nâng lên, đạt gần 2.800 USD/đầu người; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,45%, được Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc UNDP nhìn nhận như một câu chuyện huyền thoại trong công cuộc giảm nghèo.

Báo chí đặc biệt đóng góp vai trò quan trọng trong xóa đói giảm nghèo. Báo chí tích cực giới thiệu các mô hình sinh kế mới, tạo việc làm cho người lao động, những tấm gương người tốt việc tốt, những đơn vị, tập thể chung tay giúp người dân xóa đói giảm nghèo.

Báo chí kinh tế và vấn đề kinh tế báo chí

Dòng báo kinh tế chỉ xuất hiện khi kinh tế thực sự là vấn đề được quan tâm, coi trọng, lượng thông tin về kinh tế, kinh doanh đủ phong phú và đa dạng để phản ánh các khía cạnh sôi động của một nền kinh tế đang trên đà phát triển, và trong xã hội đã xuất hiện một nhóm công chúng - doanh nhân đông đảo cần thông tin kinh tế để định vị cho những quyết sách kinh doanh của mình.

Báo chí chuyên biệt về kinh tế đã từng xuất hiện ở Việt Nam từ rất sớm. Bản tin đăng những bài khảo cứu, điều tra tình hình mọi mặt về tài nguyên rừng, tình hình khai thác gỗ, tình hình nghề trồng bông, trồng chè, khai thác tổ yến, nghề nước mắm, trồng cây ăn quả, ngư nghiệp

***3.2. Hiệu quả xã hội***

Điều kiện hưởng thụ văn hóa của người Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đặc biệt từ sau đổi mới. Tuy nhiên, báo chí hiện vẫn là kênh thông tin và giải trí chủ yếu và phổ biến nhất của công chúng. Đồng thời, sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa vẫn còn sâu sắc giữa thành thị và nông thôn.

Việc phát hành báo chí cho vùng nông thôn hiện nay cũng gặp nhiều khó khăn, đa phần là báo Đảng và các báo thuộc diện cấp phát miễn phí cho vùng đồng bào miền núi và dân tộc thiểu số. Lượng báo Đảng và báo địa phương phát hành qua VNPost chiếm tới 80% tổng lượng báo. Trong số này, 70% báo được phát ở vùng sâu, vùng xa, chỉ có gần 30% phát ở đồng bằng, trung tâm. Ngược lại, 20% báo còn lại do các doanh nghiệp phát hành thì 98% tập trung ở trung tâm, thành thị, chỉ có 2% phát ở vùng sâu, vùng xa”.

Ðề án “Cấp phát báo miễn phí cho đồng bào dân tộc" của Chính phủ là một chủ trương lớn, đúng đắn, hợp lòng dân. Thế nhưng, trong quá trình triển khai vẫn còn nhiều bất cập. Ðó là "hiện tượng" các đầu báo, tờ báo được cấp chỉ về đến trung tâm xã, cán bộ xã, khó lòng đến tận tay người dân. Trong khi đó, việc đọc, truyền tải các chủ trương, chính sách của Ðảng, Nhà nước, nội dung, thông tin trong các tác phẩm báo chí của cán bộ địa phương đến với người dân gần như không thể thực hiện được hoặc không có chiều sâu, đặc biệt rơi vào những bản, làng vùng biên giới hẻo lánh, nơi có sự phân bố dân cư thưa thớt, đi lại khó khăn.

Tuy tỷ lệ người biết Internet giữa thành thị và nông thôn chênh lệch nhau gấp 3 lần, nhưng tỷ lệ những người sử dụng Internet gần như hàng ngày chênh lệch hơn 10 lần giữa nhóm người ở thành thị và khu vực nông thôn. Trong thế giới của sự phát triển khoa học kỹ thuật, khoảng cách số đang làm gia tăng bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội, tạo nên sự phân hóa giầu nghèo,… khiến nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước đối với miền núi trở nên khó thực hiện.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√*** *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | X |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

*- Đạt X*

*- Không đạt*

Giải thích lý do: Ban chủ nhiệm đề tài cần phảihoàn thiện nâng cao chất lượng đề tài theo góp ý của Hội đồng

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| Chủ nhiệm đề tài **PGS.TS Đặng Thị Thu Hương** | Thủ trưởngTổ chức chủ trì đề tài |